

Số: 79/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trang Minh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Lai Châu.

- Chị Bạc Thị Phương T1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng **anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày **21/3/2017 tại UBND phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường T, tỉnh Lai Châu)** theo **giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 21/3/2017**. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian, đến tháng 12 năm 2025 phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, thường xuyên xảy ra tranh chấp, cãi vã trong gia đình và tình cảm giữa vợ chồng không còn được như trước dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T và chị T1 cùng nhất trí thuận tình ly hôn và đề nghị Toà án công nhận cho anh T và chị T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1 có 01 con chung là cháu Trang Phương C, sinh ngày 11/10/2017, anh T và chị T1 thỏa thuận:

+ Chị Bạc Thị Phương T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trang Phương C cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T2 và chị T1 tự thỏa thuận anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

+ Anh Trang Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

[3] Chia về tài sản chung: **Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

[4] Về lệ phí: **Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** mỗi người chịu một nửa lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh chị thống nhất, chị T1 sẽ chịu toàn bộ tiền lệ phí cho cả hai.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1.

- **Về việc nuôi con:** Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1 có 01 con chung là cháu Trang Phương C, sinh ngày 11/10/2017, anh T và chị T1 thỏa thuận:

+ Chị Bạc Thị Phương T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trang Phương C cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

+ Anh Trang Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** **Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

2. Về lệ phí: **Anh Trang Minh T và chị Bạc Thị Phương T1** mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. **Chị Bạc Thị Phương T1** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí là 300.000 đồng. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T1 đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị **Bạc Thị Phương T1** đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0000104 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ